

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-ST.

Ngày: 16-8 -2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Hoa.

2. Ông Dương Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 667/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Xuân H1 - (vắng mặt).

Địa chỉ: đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức S - (văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017) - (có mặt).

Địa chỉ: đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Xuân H2 - (có mặt).

Địa chỉ: đường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Đức S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và kinh doanh chung với nhau nên ông Mai Xuân H1 có cho ông Lê Xuân H2 vay số tiền 990.000.000 đồng. Ông H2 đã trả được 500.000.000 đồng, còn nợ lại 490.000.000 đồng, ông H2 có viết giấy hẹn trả dứt điểm nợ vào cuối năm 2014 cho ông H1. Quá hạn trả nợ, ông Mai Xuân H1 đã nhiều lần gặp và yêu cầu ông Lê Xuân H2 trả tiền nhưng ông Lê Xuân H2 vẫn không thực hiện việc trả nợ như cam kết. Nay ông Mai Xuân H1 khởi kiện đến Tòa án đề nghị Tòa án buộc ông Lê Xuân H2 phải trả số tiền 490.000.000 đồng, ông H1 không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Khoản nợ này là thuộc về cá nhân ông H2 vay không liên quan tới ai khác nên ông H1 chỉ yêu cầu một mình ông H2 có trách nhiệm trả nợ.

2. Bị đơn ông Lê Xuân H2 trình bày:

Trước đây tôi và ông Mai Xuân H1 có làm ăn chung với nhau. Ông H1 có đầu tư cho tôi số tiền 2.290.000.000 đồng. Sau đó dự án khai thác gỗ rừng cộng đồng bị trục trặc. Tôi đã trả nợ cho ông H1 được số tiền 1.800.000.000 đồng. Nay tôi còn nợ ông H1 số tiền 490.000.000 đồng, ông H1 khởi kiện tôi phải trả số tiền 490.000.000 đồng là đúng. Khoản nợ này là của cá nhân tôi vay không liên quan tới ai khác. Trách nhiệm trả nợ là của cá nhân tôi. Hiện nay, kinh tế của tôi gặp khó khăn không có điều kiện để trả nợ nên tôi xin trả dần số nợ trên.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của ông Mai Xuân H1. Tuyên buộc ông Lê Xuân H2 trả nợ gốc 490.000.000 đồng, chấp nhận việc ông Mai Xuân H1 không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Về án phí: ông Lê Xuân H2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về nội dung:

Ông Mai Xuân H1 có cho ông Lê Xuân H2 vay số tiền 990.000.000 đồng, việc vay mượn được thể hiện qua giấy hẹn trả tiền do ông Lê Xuân H2 viết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Xuân H2 cũng xác nhận việc còn nợ ông Mai Xuân H1 số tiền 490.000.000 đồng. Theo nội dung giấy hẹn trả tiền thì ông Lê Xuân H2 hẹn đến cuối tháng 5/2014 trả cho ông H1 500.000.000 đồng, số tiền còn lại

490.000.000 đồng sẽ thanh toán dứt điểm vào cuối năm 2014. Ông Lê Xuân H2 đã thanh toán cho ông Mai Xuân H1 số tiền 500.000.000 đồng, còn số tiền 490.000.000 đồng ông Lê Xuân H2 chưa trả cho ông Mai Xuân H1. Ông H2 đề nghị ông H1 cho trả dần số tiền nợ trên mỗi năm một ít do kinh tế hiện nay quá khó khăn nhưng ông Mai Xuân H1 không chấp nhận.

Như vậy, việc ông Mai Xuân H1 khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân H2 phải trả số tiền nợ gốc là 490.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Mai Xuân H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Lê Xuân H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x 90.000.000 đồng = 23.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân H1.

Buộc ông Lê Xuân H2 có trách nhiệm trả cho ông Mai Xuân H1 số tiền gốc là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Lê Xuân H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.600.000 đồng.

Ông Mai Xuân H1 được nhận lại 11.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004936 ngày 28/12/2017.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông

